



Hình ảnh quê hương trong thơ thiền Lý - Trần

ISSN: 2734-9195

09:05 24/06/2025

Tuy nhiên, trong chiều sâu của tư tưởng Thiền tông, quê hương còn mang một tầng nghĩa khác, chính là bản thể giác ngộ, là Phật tính sẵn có trong mỗi con người.

Dẫn nhập

Tôn giáo ra đời để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng và trở thành nơi nương tựa tâm linh, nơi con người gửi gắm niềm tin, khát vọng về một cuộc sống an lành, tốt đẹp hơn.

Mỗi tôn giáo mang trong mình bản sắc và giáo lý đặc thù, và Phật giáo cũng vậy.

Đức Phật xuất hiện trong đời để khai thị chúng sinh ngộ nhập Phật tri kiến, chỉ rõ con đường dẫn đến khổ đau, luân hồi sinh tử, đồng thời chỉ bày vô số pháp môn phương tiện giúp người tu hành chuyển hóa khổ đau, tìm về giải thoát.

Các pháp môn ấy đa dạng và uyển chuyển, tùy theo căn cơ và trình độ của mỗi hành giả, nhưng tựu trung đều lấy chính niệm và hơi thở làm nền tảng, mà đó cũng chính là cốt lõi của Thiền tông.

Thiền tông là một tông phái Phật giáo phát triển mạnh mẽ từ Ấn Độ sang Trung Hoa, Nhật Bản và Việt Nam. Thiền nhấn mạnh trực ngộ tự tâm, không trụ chấp vào văn tự kinh điển, mà hướng hành giả đến trải nghiệm trực tiếp giác ngộ thông qua thiền định. Người tu thiền tin rằng con đường đi đến giải thoát không nằm ở lý thuyết suông, mà ở sự thực hành, chiêm nghiệm và tỉnh thức trong từng khoảnh khắc hiện tại. Tư tưởng thiền từ đó đã lan tỏa, ảnh hưởng sâu rộng tới văn hóa, nghệ thuật và đặc biệt là văn học.



Hình ảnh mang tính minh họa

Tại Việt Nam, Thiền tông được truyền vào qua nhiều dòng phái: Tỳ Ni Đa Lưu Chi (thế kỷ VI), Vô Ngôn Thông (thế kỷ IX), Thảo Đường (thế kỷ XI). Đến thế kỷ XIII, các dòng thiền trên quy tụ, hòa hợp, hình thành nên Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, một dòng thiền thuần Việt, gắn bó mật thiết với đời sống dân tộc.

Đến thế kỷ XVI-XVIII, tiếp tục xuất hiện hai dòng thiền lớn khác: Lâm Tế và Tào Động, nhấn mạnh yếu tố học thuật và để lại nhiều di sản văn học qua các sáng tác thiền ca, thi kệ, đậm sắc thái triết lý Bát Nhã.

Điểm chung nổi bật trong các dòng thiền này là tinh thần dung hợp giáo lý Đại thừa, cùng các yếu tố của Tịnh độ và Mật tông.

Thiền tông Việt Nam phát triển trong không gian Phật giáo rộng mở, linh hoạt, hướng đến thực chứng và hòa nhập với đời sống xã hội. Đặc biệt, Thiền phái Trúc Lâm không chỉ mang dấu ấn tu học, mà còn để lại kho tàng văn học phong phú, thể hiện qua nhiều thể loại như luận thuyết, ngữ lục, thi kệ, phú, sấm, vĩ... Hầu hết các tác phẩm này đều do chính các Thiền sư, Thiền gia sáng tác, mang đậm tinh thần thiền quán, vừa thâm áo uyên thâm, vừa gần gũi nhập thế.

Phật giáo thiền không chỉ dạy người tu hành đạt đến thanh tịnh và giác ngộ, mà còn lan tỏa tinh thần giải thoát qua hình thức thi ca.

Trong văn học thời Lý - Trần, đề tài nổi bật và xuyên suốt là hình ảnh quê hương, đất nước, con người, thể hiện tinh thần yêu nước và tu tập song hành. Qua mỗi bài thơ, Thiền sư không chỉ gửi gắm lòng từ và lý tưởng giác ngộ, mà

còn thể hiện cái nhìn tỉnh thức trước dòng đời, đưa đạo vào đời một cách sâu sắc và tự nhiên.

Khái quát về Thiền tông và quá trình du nhập vào Việt Nam



Hình ảnh mang tính minh họa

Như đã nêu, Thiền tông là một nhánh lớn trong các tông phái Phật giáo, lấy sự trực ngộ bản tâm làm cốt lõi tu hành. Theo Thiền sử, nguồn gốc ra đời Thiền tông được gắn liền với câu chuyện nổi tiếng “Niêm hoa vi tiếu”: Trong một pháp hội tại núi Linh Thứu, Đức Phật đưa cành hoa sen lên, cả hội chúng im lặng, duy chỉ có Tôn giả Đại Ca Diếp mỉm cười, đức Phật liền truyền rằng: “Ta có Chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, thực tướng vô tướng, vi diệu pháp môn, bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, nay trao cho Ma-ha Ca-Diếp”.

Từ sự kiện này, Thiền tông ra đời, với tinh thần vượt ngoài văn tự, nhấn mạnh đến trực tiếp truyền tâm ấn từ thầy sang trò, không qua kinh điển, không ràng buộc khái niệm.

Tuy nhiên, câu chuyện trên không có trong kinh tạng Nguyên thủy hay hệ thống giáo lý Phật giáo Ấn Độ, mà được ghi chép và phát triển trong truyền thống Thiền Trung Hoa (thiền Đông độ). Đây là dấu ấn riêng biệt thể hiện chiều sâu tâm linh và sáng tạo đặc thù của Thiền học Đông Á.

Tại Việt Nam, mạch Thiền học có khởi nguyên từ thế kỷ III với Thiền sư Khương Tăng Hội, một tu sĩ gốc Sogdiane, hành đạo tại Giao Châu. Dù không lập tông phái, nhưng ông chính là người đặt nền tảng cho Thiền học tại nước ta.

Đến các thế kỷ VI-XI, Phật giáo Thiền tông chính thức được du nhập với các dòng phái lớn: Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường, và tiếp tục phát triển qua các triều đại.

Đặc biệt, đến thời Trần, Thiền học nước ta bước vào thời kỳ rực rỡ nhất, với sự xuất hiện của dòng Thiền Trúc Lâm, một dòng thiền thuần Việt, do Phật hoàng Trần Nhân Tông sáng lập. Dòng thiền này dung hợp tinh hoa của ba dòng Thiền trước, kết hợp giữa thực hành tu chứng và nhập thế hành đạo, gắn liền với sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước.

Chính vì vậy, nhắc đến Thiền tông Việt Nam, không thể không nhắc đến thời Lý - Trần với hai giá trị nổi bật:

+ Di sản thơ Thiền phong phú, các bài thơ, thi kệ mang chiều sâu triết lý, là kết tinh giữa tư tưởng Thiền và văn hóa dân tộc.

+ Sự ra đời của dòng Thiền Trúc Lâm - một biểu tượng rực rỡ cho bản sắc Phật giáo Việt Nam, vừa mang tinh thần giải thoát, vừa đậm chất nhập thế.

Thiền Lý-Trần và ảnh hưởng của thiền trong văn học

Thời Lý - Trần là giai đoạn Phật giáo Thiền tông phát triển rực rỡ, không chỉ đóng vai trò chủ đạo trong đời sống tín ngưỡng mà còn góp phần phục hưng, gìn giữ và sáng tạo nên những giá trị văn hóa đặc sắc. Các triều đại phong kiến, đặc biệt là nhà Lý và nhà Trần, đã kế thừa và áp dụng tư tưởng Thiền vào quản trị quốc gia, giáo hóa dân chúng, dung hợp giữa Đạo và Đời một cách linh hoạt, nhuần nhuyễn.

Đặc biệt, dưới thời Trần, sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm, một dòng thiền thuần Việt do Phật hoàng Trần Nhân Tông sáng lập, đã đánh dấu bước chuyển mình quan trọng, thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ không chỉ về chính trị mà còn về tín ngưỡng và tư tưởng. Thiền phái này là sự hội tụ và phát triển từ ba dòng thiền du nhập trước đó (Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường), đặt nền móng cho một hệ tư tưởng Phật giáo gắn chặt với lòng dân và vận mệnh quốc gia.

Trong tiến trình ấy, văn học trở thành mảnh đất màu mỡ, nơi tư tưởng Thiền tông được thể hiện một cách sống động qua thơ kệ, thi phú, ngữ lục. Các Thiền sư - Thiền gia đã không chỉ là người tu hành mà còn là thi nhân, tư tưởng gia, góp phần hình thành dòng văn học Phật giáo vừa thâm trầm uyên áo, vừa tràn đầy cảm xúc và vẻ đẹp nghệ thuật.

Các tác phẩm thơ Thiền thời Lý - Trần mang đậm triết lý Bát Nhã, kết hợp với cái nhìn tỉnh thức, giải thoát, thể hiện rõ tư tưởng “tùy duyên nhi bất biến”, “vô ngã”, “bất nhị”. Mặc dù văn học thời kỳ này vẫn có ảnh hưởng của Nho giáo, nhưng nền tảng tư tưởng và cảm hứng chủ đạo vẫn thuộc về Phật giáo, đặc biệt là Thiền tông.

Không chỉ ảnh hưởng đến giới tăng sĩ, Thiền còn thấm sâu vào đời sống tinh thần của các tầng lớp trí thức, vua quan. Thơ Thiền thời Lý, Trần cho thấy rõ tinh thần dung dị, hòa hợp giữa con người và thiên nhiên, lấy cảnh sắc trần thế làm nền tảng cho chiêm nghiệm đạo lý, hướng tới sự tĩnh lặng, buông xả và giác ngộ.

Hình ảnh quê hương trong thơ Thiền



Hình ảnh mang tính minh họa

Người Việt từ ngàn xưa đã luôn mang trong mình tình yêu quê hương sâu sắc, điều ấy được phản ánh đậm nét trong lịch sử, văn học và đặc biệt là trong dòng thơ Thiền Lý - Trần. Hình ảnh quê hương trong thơ không chỉ là biểu tượng cảm xúc, mà còn là phương tiện tu tập, là cảnh giới thanh tịnh của tâm thức thiền quán.

Trong thơ Thiền Lý - Trần, quê hương hiện lên qua hình ảnh mái đình, cây đa, giếng nước, hoa lá, núi rừng, sông suối... Tất cả đều mang nét duy mỹ và tỉnh thức, đồng thời ẩn chứa triết lý sâu xa của nhà Phật: vạn pháp duy tâm hiện, “sắc tức thị không, không tức thị sắc”.

Quê hương không chỉ là nơi sinh ra, mà còn là cảnh giới nội tâm để người tu trở về chính mình. Khi tâm an, thì nơi đâu cũng là quê hương; khi tâm sáng, thì

khắp cõi đều là tịnh độ.

Hình tượng quê hương trong thơ không gắn liền với khái niệm biên giới lãnh thổ, mà là nơi tâm hồn an trú, là chốn quay về của người tỉnh thức. Qua đó, người đọc cảm nhận được sự thống nhất giữa thi ca - Thiền học - tinh thần dân tộc.

Hình tượng quê hương, trong thơ ca, dù thời đại nào, cũng gợi nhớ câu thơ “*Quê hương là chùm khế ngọt cho con trèo hái mỗi ngày... quê hương nếu ai không nhớ sẽ không lớn nổi thành người*”[1], mà sau này được phổ nhạc, trở thành tác phẩm để đời trong lòng dân tộc.

Như tác phẩm Hịch tướng sĩ của Trần Hưng Đạo, dù không mang hình thức thơ Thiền, nhưng lại thể hiện sâu sắc tinh thần nhập thế của Phật giáo thời Trần: yêu nước, giữ đạo, vì dân. Bài hịch không chỉ kêu gọi lòng trung thành mà còn thể hiện sự gắn bó thiêng liêng với giang sơn, quê hương, vận mệnh quốc gia.

Bởi vậy, hình ảnh quê hương trong văn học thời Lý - Trần không chỉ là cảm hứng thẩm mỹ, mà còn là nền tảng cho lý tưởng tu hành và hành đạo. Từ cảm xúc yêu nước, các Thiền sư đã nâng tầm quê hương thành biểu tượng của sự buông bỏ và trở về chân tâm, hòa quyện giữa Đạo và Đời.

“Cũng chính từ mảnh đất, quê hương đất nước mà con người luôn sẵn sàng bước vào cuộc hành trình tìm về miền đất thanh tịnh giải thoát của mỗi người để an trú. Miền đất an lạc đó không ở đâu xa mà ngay trong thực tại đời thường. Nơi đó khơi nguồn cảm hứng cho các thiền gia, thiền sư, thi nhân viết về “Quê Hương Thiền Tông”, luôn mang hơi thở và sự sống của “Hồn thiêng Đất Nước””[2].

Quê hương Thiền tông: Cảnh giới nội tâm - hồn thiêng dân tộc



Hình ảnh mang tính minh họa

Chính từ mảnh đất quê hương, nơi chôn nhau cắt rốn, nơi từng bước chân lưu dấu kỷ niệm, mà con người bắt đầu cuộc hành trình trở về miền an trú nội tâm, tìm đến cõi thanh tịnh và giải thoát. Với các Thiền sư, Thiền gia, miền đất an lạc ấy không ở đâu xa, mà ở ngay trong hiện hữu đời thường: nơi bầu trời, cây cỏ, tiếng mưa, làn sương, ánh trăng... tất cả đều là pháp, đều có thể là phương tiện để nhận ra bản tâm thanh tịnh.

“Quê hương Thiền tông” vì vậy không chỉ là đề tài nghệ thuật, mà còn là hơi thở sống động của Hồn thiêng Đất Nước, là sự hợp nhất giữa cảnh và tâm, giữa con người và thiên nhiên trong tĩnh thức.

Từ góc nhìn rộng hơn, đề tài quê hương vốn là mảnh đất màu mỡ của thi ca Việt Nam qua mọi thời đại. Tuy nhiên, trong thơ Thiền Lý - Trần, hình ảnh quê hương mang một sắc thái rất riêng: giản dị, tự nhiên, mà sâu sắc và giàu tính biểu tượng, phản ánh mối liên hệ mật thiết giữa con người - thiên nhiên - tâm thức.

Thiền, với bản chất là tĩnh lặng, buông xả, hướng đến giác ngộ, không chỉ thể hiện qua ngôn ngữ thiền lý mà còn qua những hình ảnh quê hương gần gũi. Những hình ảnh quen thuộc trong thơ Thiền có thể kể đến:

- + Núi rừng - suối nguồn: biểu tượng của sự thanh cao, bất động, rộng lớn, nơi tâm trí lắng đọng, xa rời trần tục.
- + Hoa cỏ - cây lá: biểu hiện của sự sinh sôi và an nhiên trong vô thường.
- + Mặt nước - ao hồ: hình ảnh phản chiếu của thế giới và cũng là mặt gương của nội tâm.
- + Mưa - sương - khói: không gian thi vị, mơ hồ, gợi lên chiều sâu suy tưởng

thiền định.

Một ví dụ tiêu biểu là bài thơ của Thiền sư Thích Nhất Hạnh, người mang tinh thần Thiền Việt ra thế giới, đã viết:

*“Quê hương là những sợi khói
Bay lên từ những mái tranh nghèo
Quê hương là những con đường
Đêm đêm người đi lặng lẽ trở về.
Quê hương là dòng sông nhỏ
Nước xanh trong và mát mẽ
Quê hương là những mái nhà
Màu đỏ tình yêu trong làng quê.”[3]*

Qua những câu thơ nhẹ nhàng, đầy chất Thiền, quê hương hiện lên vừa gần gũi, yên bình, vừa mang lại cảm giác an trú tĩnh lặng. Thiền không nằm ngoài cuộc sống, mà hiện diện trong từng hình ảnh thân thuộc, từng dòng sông, mái tranh, con đường làng, chính là cánh cửa mở ra nội tâm.

Đặc biệt, bài thơ “Hạnh An Bang phủ” của Trần Thánh Tông, vị vua Thiền gia đời Trần được xem là tác phẩm mở đầu cho thi ca vịnh cảnh Vịnh Hạ Long. Trong thơ, hình ảnh quê hương không chỉ là thiên nhiên tuyệt mỹ mà còn là cảnh giới nội tâm đầy an lạc, vượt thoát khỏi mọi loạn động trần gian:

*“Triều du phù vân kiêu,
Mộ tức minh nguyệt loan.
Hốt nhiên đắc giai thú,
Vạn tượng sinh hào đoan.”[4]*

Dịch nghĩa

Sáng chơi trên ngọn núi có đám mây nổi,
Tối về nghỉ ở eo biển trăng sáng.
Bỗng nhiên được hứng thú hay,
Muôn hình tượng nảy sinh ra đầu ngọn bút.

Phân tích hình ảnh quê hương trong thơ thiền Lý-Trần

Thiên nhiên trong thơ Thiền: Cánh cửa mở vào tâm cảnh

Trong thơ Thiền Lý - Trần, thiên nhiên không chỉ là phong nền cho cảm xúc, mà còn là trung gian để hành giả trực nhận chân tâm. Thiên nhiên mang tính biểu tượng, giúp phơi bày sự hòa hợp giữa ngoại cảnh và nội tâm, giữa vũ trụ bao la và tấm lòng thanh tịnh.

Thiên nhiên trong thơ Thiền thời Lý - Trần giản dị, mộc mạc nhưng giàu chiều sâu triết lý, gợi lên cái “Không”, một phạm trù cốt lõi trong tư tưởng Phật giáo. Cái Không ấy không phải là hư vô, mà là sự tỉnh thức, buông xả, là vô chấp và vô ngã.

Ví dụ điển hình là bài thơ:

“Bán song đăng ảnh mãn sàng thư,

Lộ trích thu đình dạ khí hư.

Thụy khởi chiêm thanh vô mịch xứ,

Mộc tê hoa thượng nguyệt lai sơ”[5]

Dịch thơ

Bóng đèn soi nửa cửa sổ, sách đầy giường

Móc rơi trên sân thu, hơi trống không

Tĩnh giấc tiếng chày nện không còn nghe thấy

Trên chùm hoa quế, trăng vừa mọc

Bài thơ mở đầu bằng không gian nhỏ hẹp và tĩnh lặng, rồi dần mở rộng ra vũ trụ mênh mang. Sự tĩnh lặng ấy tinh tế đến mức có thể nghe thấy tiếng sương rơi – âm thanh vô cùng mảnh và nhẹ. Ở đây, ta thấy rõ cách Thiền quán ngoại cảnh để hiện bày nội tâm: tiếng sương làm nổi bật sự tĩnh mịch, và chính sự tĩnh mịch ấy lại làm hiển lộ tâm không.

Cái động sinh từ cái tĩnh, cái tĩnh làm nền cho cái động, thủ pháp tương phản đối lập thường gặp trong Đường thi được Thiền học chuyển hóa thành phép tu tập: thấy động trong tĩnh, thấy tĩnh trong động, ấy là thấy pháp trong đời, thấy Đạo giữa trần gian.

Không gian thơ Thiền vì thế trở nên rộng lớn, thanh tịnh, trong trẻo, như một cảnh giới vừa ngoài đời, vừa trong tâm. Thiên nhiên hiện lên không chỉ bằng hình sắc mà bằng trực cảm tâm linh, là sự hiện hữu của Chân như giữa cõi vô thường.

Quê hương như một không gian tu hành và giác ngộ

Trong văn học Thiền thời Lý - Trần, quê hương không chỉ là nơi sinh thành, mà còn là không gian lý tưởng để hành đạo và quán chiếu nội tâm. Vẻ đẹp tự nhiên, sự thanh bình của làng quê Việt trở thành môi trường hoàn hảo để người tu luyện quay về chính mình, tránh xa trần tục, hòa nhập với nhịp vận của vũ trụ.



Hình ảnh mang tính minh họa

Nhiều Thiền sư đời Trần sau khi đạt đạo đã trở về quê hương ẩn tu, như Huyền Quang, Phù Lão... Không rời bỏ trần gian, họ tìm sự tĩnh lặng trong đời sống thôn quê, để tu hành giữa ruộng đồng, sương sớm, hoa quế, ánh trăng. Sự hòa hợp giữa thiên nhiên và tâm linh ấy trở thành chân dung lý tưởng của người Thiền sư Việt: gần dân, gần đất, gần Đạo.

Bài thơ “Cáo Tật Thị Chúng” của Thiền sư Trúc Lâm Trần Nhân Tông thể hiện rõ quan điểm này:

“Xuân khứ bách hoa lạc

Xuân đáo bách hoa khai

Sự trục nhãn tiền quả

Lão tòng đầu thượng lai

Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận

Đình tiền tac dạ nhất chi mai”[6]

Dịch nghĩa

Xuân đi, trăm hoa rụng

Xuân tới, trăm hoa nở

Việc đời cứ thế trôi qua trước mắt

Tuổi già đã đến trên đầu

Chớ tưởng xuân tàn hoa rụng hết

Đêm qua, sân trước một cành mai.

Dù không trực tiếp nhắc đến làng quê, bài thơ vẫn mở ra không gian quê hương tĩnh tại, nơi hoa nở, xuân về, đời sống cứ tuần hoàn mà không cưỡng cầu. Đây là không gian “quê hương tâm linh”, nơi mỗi hơi thở, mỗi sắc hương đều là cánh cửa giác ngộ. Hình ảnh cành mai nở khi xuân tàn cũng là ẩn dụ Phật học: hoa không mất, chỉ chuyển hóa, sự sống vẫn tiếp diễn, miễn tâm còn an trú.

Ở đây, quê hương không phải là khái niệm địa lý, mà là mảnh đất nội tâm, nơi con người trở về, thanh thoi giữa vô thường, tự tại trong sinh diệt, và tìm thấy ánh sáng từ chính cuộc sống bình dị nhất.

Chiêm nghiệm quê hương từ biểu tượng đến tâm cảnh

Biểu tượng Thiên: Từ trăng lạnh đến mây trôi

Trong thơ Thiên thời Lý - Trần, mỗi hình ảnh đều mang trong mình một tầng ý nghĩa biểu tượng, vượt khỏi phạm trù miêu tả để vươn đến tâm linh và trực giác Thiên.

+ Sự tĩnh lặng và thanh tịnh: Hình ảnh “trăng lạnh” không đơn thuần là biểu đạt không gian đêm thanh vắng, mà chính là ẩn dụ của tâm thức trong sáng, rỗng lặng, là phản chiếu của cái “Không” trong Thiền học, nơi tâm người tu không còn vọng động, không còn phân biệt, đạt đến an nhiên vô ngại.

+ Sự buông bỏ ràng buộc: Câu thơ như “Sự trục phù vân khứ” (mọi việc như mây nổi rồi tan) là tinh yếu của pháp quán vô thường, thấy sự đời như mây bay, như bóng nước, như giấc mộng. Đây là thái độ xả ly, bất thủ, bất chấp mà người hành Thiền cần đạt tới.

+ Sự hòa nhập với tự nhiên: Thiền không tìm đạo nơi xa xôi, không đoạn tuyệt thế gian mà hòa vào sự sống. Vì thế, trăng - mây - núi - hoa không chỉ là ngoại

cảnh, mà là đồng thể với bản tâm. Thiền nhân không tách biệt mình với vũ trụ, mà sống cùng, thở cùng, tỉnh thức giữa trần gian.

Bài thơ nổi tiếng của Thiền sư Thiền Lão là minh chứng sinh động:

*“Đã tri kim nhật nguyệt,
Thùy thức cộ xuân thu.
Thúy trúc, hoàng hoa, phi ngoại cảnh,
Bạch vân, minh nguyệt, lộ toàn chân.”[7]*

Dịch thơ

Chỉ biết tháng ngày đang diễn ra trước mắt,
Nào ai hay những mùa xuân mùa thu đã trôi qua.
Trúc biếc, hoa vàng chẳng phải là cảnh bên ngoài,
Mây trắng, trăng trong lộ rõ cái “chân” toàn vẹn.

Bài thơ ra đời vào khoảng niên hiệu Thông Thụy (1034-1038). Bài thơ tuy xuất phát từ một câu hỏi mang tính sự vụ của vua Lý Thái Tông, nhưng Thiền Lão không trả lời bằng lý luận mà bằng cảnh giới tâm linh. Cảnh vật tuy quen thuộc - trúc, hoa, mây, trăng - nhưng lộ ra “chân tâm”, là “bản lai diện mục”, khuôn mặt thật của mỗi người trước khi bị phân biệt, vọng tưởng.

Đặc điểm của hình ảnh quê hương trong thơ Thiền Lý - Trần

Trong thơ Thiền Lý - Trần, quê hương không chỉ là một địa danh hay ký ức, mà là một không gian nội tâm hóa, nơi người tu an trú hiện tại, hòa hợp với thiên nhiên, buông xả muộn phiền. Những đặc trưng sau giúp làm nổi bật hình ảnh quê hương trong thơ Thiền:

a) Tính giản dị

Thơ Thiền thời Lý - Trần khước từ mọi hình thức khoa trương, hoa mỹ. Những hình ảnh quê hương được miêu tả bằng những nét chấm phá nhẹ nhàng: dòng sông nhỏ, con đường làng, bãi cỏ, ngọn núi xa, vầng trăng non... Không có sự cầu kỳ trong từ ngữ, nhưng chính sự giản dị đó lại kích hoạt trực giác người đọc, dẫn họ vào một không gian Thiền lặng lẽ và sâu xa.

b) Tính mộc mạc và chân thành

Quê hương trong thơ Thiền không có dáng dấp của một biểu tượng chính trị hay sử thi, mà mang vẻ đẹp mộc mạc của ruộng đồng, tre trúc, nắng sớm, gió chiều. Nó gần gũi như hơi thở, như ánh mắt mẹ, như chén trà ấm. Mỗi chi tiết tuy nhỏ nhưng được thắp sáng bởi tâm từ và trí tuệ của người Thiền sư, từ đó chuyển hóa thành thi liệu mang năng lượng chữa lành, khơi mở sự tỉnh thức.

c) Tính biểu trưng cho bản tâm

Quê hương, trong ý nghĩa sâu xa, không chỉ là đất mẹ, mà còn là “quê hương tâm linh”, nơi mỗi hành giả trở về để tìm thấy chính mình. Trong Thiền tông, “trở về” không có nghĩa là quay lại quá khứ, mà là hiện hữu trọn vẹn nơi hiện tại. Mỗi dòng thơ, mỗi hình ảnh là một lời nhắc: quê hương đích thực là tâm tĩnh lặng, là nơi trăng soi không bóng, nước chảy không lời.

Quê hương Thiền: Mộc mạc và tĩnh lặng - nơi trú xứ của tâm linh

Mộc mạc - bản tính của Thiền và thơ

Hình ảnh quê hương trong thơ Thiền Lý - Trần hiện lên không bằng những nét tô vẽ cầu kỳ, mà bằng sự giản dị chân thật: bông lúa vàng, sương sớm lãnh đăng, ánh trăng soi mặt hồ, hay dòng suối nhỏ róc rách giữa núi rừng. Chính sự mộc mạc và tự nhiên ấy tạo nên nét duyên riêng cho thơ Thiền, nơi mà cảnh sắc và tâm cảnh hòa làm một.

Mộc mạc không chỉ là bút pháp, mà còn là biểu hiện trực tiếp của tinh thần “không” trong Thiền học. Không cầu kỳ, không phô trương, chỉ có sự thật, sự hiện diện, sự sống trong từng khoảnh khắc. Đây là cái “không” nhưng không rỗng, mà là “không chứa đầy”, tràn đầy ánh sáng chánh niệm.

Mỗi hình ảnh quê hương, dù rất đời thường, lại thấm đẫm chiều sâu Thiền vị. Đó là ngôn ngữ vô ngôn, là chỗ “gợi mà không nói”, nơi cái thấy vượt khỏi lý trí, chạm đến trực giác người đọc.

Tĩnh lặng - quê hương của tâm thức

Tĩnh lặng là đặc trưng nổi bật và cũng là cốt tủy trong thơ Thiền Lý - Trần. Quê hương trong thơ không ồn ào, không xô bồ. Đó là không gian đủ tĩnh để nghe tiếng sương rơi, đủ lặng để thấy lòng mình trong như gương. Sự tĩnh lặng ấy lan tỏa cả ở ba tầng: cảnh vật, đời sống, tâm hồn.

a) Tĩnh lặng trong cảnh vật

Hình ảnh ruộng đồng vắng bóng người, núi xa mờ trong sương, dòng sông chảy lặng lẽ, trăng sáng trên mái chùa... đều gợi một không gian tịch nhiên bất động, nơi mọi xao động lắng xuống để người tu quay vào nội tâm quán chiếu. Đây không chỉ là tĩnh lặng vật lý, mà là tĩnh lặng của tâm, vô vi mà tự tại.

b) Tĩnh lặng trong đời sống con người

Người dân quê trong thơ Thiền Lý - Trần không hiện lên với sự bận rộn, bon chen, mà sống giản dị, chan hòa với thiên nhiên. Họ cấy lúa, hái rau, chăm tằm, ngồi bên bếp lửa, uống nước giếng, nghe tiếng chim chiều... Cảnh ấy, người ấy tạo thành một khung trời yên ả, vừa phản chiếu đời sống nội tâm an nhiên, vừa mở ra không gian tu tập giữa đời thường.

c) Tĩnh lặng - sự đồng hiện giữa ngoại cảnh và nội tâm

Cái tĩnh trong thơ Thiền không chỉ là cảnh, mà là bản thể đồng nhất giữa vũ trụ và con người. Trăng sáng không chỉ ngoài trời, mà còn là ánh trăng trong tâm. Mặt hồ phẳng lặng không chỉ là nước yên, mà là tâm không gợn sóng. Vì thế, quê hương trong thơ Thiền là không gian của giác ngộ, nơi “người thấy mình trong vạn vật, và vạn vật tan vào mình”.

d) Tĩnh lặng trong thiên ngữ

Các thiền ngữ thời Lý - Trần thường là những câu thơ ngắn, súc tích, như lời thì thầm nhẹ tênh mà vang vọng trong tâm thức. Đó có thể là một hình ảnh, một ẩn dụ, một khơi gợi – đủ để người đọc lặng lại, dừng lại, rồi quay về chính mình. Chính sự tĩnh lặng của ngôn từ ấy làm nên giá trị tinh khôi và bất tận của thơ Thiền.

Trong hành trình trở về với chính mình, quê hương, với sự mộc mạc và tĩnh lặng, trở thành biểu tượng sống động của Thiền tông Phật giáo. Không chỉ là nơi chôn nhau cắt rốn, quê hương trong thơ Thiền Lý - Trần là tâm cảnh, là thân giáo, là ánh trăng soi sáng vô minh, là bến đỗ của người hành giả trên đường tìm về giác ngộ.

Quê hương: Từ đất mẹ dân tộc đến bản thể giác ngộ

Như đã trình bày trong các phần trước, quê hương trong thơ Thiền Lý - Trần là mảnh đất dân tộc Việt, là nơi sinh thành, lớn lên, là ruộng đồng, sông núi, mái đình, lũy tre... Tuy nhiên, trong chiều sâu của tư tưởng Thiền tông, quê hương còn mang một tầng nghĩa khác, chính là bản thể giác ngộ, là Phật tính sẵn có trong mỗi con người.

Mỗi hành giả đều mang trong mình một hạt giống Bồ-đề, là gốc rễ tâm linh để trở về. Giữa dòng đời vô thường, ta có thể đến nhiều nơi, nương tựa vào nhiều pháp duyên, nhưng chỉ có một nơi để quay về, đó là ngôi nhà của chính mình, là quê hương tâm linh, là nơi an trú trong Chính pháp. Như lời thi kệ:

“Nếu người muốn biết cảnh giới Phật

Ý căn thanh tịnh như hư không

Xa lìa vọng tưởng và chấp thủ

Thì tâm vô ngại giữa hồng trần”[8]

Đây không chỉ là khung cảnh nội tâm thanh tịnh, mà còn là một cõi quê hương không xa, không gần, không hình tướng, nơi tâm trở về với chính nó, tự do, tự tại trong từng hơi thở chánh niệm.

Chính vì thế, hình ảnh quê hương trong thơ Thiền Lý, Trần vừa nhập thế vừa siêu thế, vừa hiện thực vừa siêu hình. Các thiền sư, thi nhân đã hòa quyện cảm xúc yêu nước, yêu quê với nhận thức về bản thể giác ngộ, tạo nên những thi phẩm vượt thời gian, mang cả sắc thái văn học, Phật học và dân tộc học.

Quê hương, trong góc nhìn Thiền tông, không chỉ là một vùng đất địa lý, mà còn là một không gian tinh thức, nơi tâm Phật luôn hiện hữu trong từng cánh hoa, ngọn cỏ, ánh trăng, giọt sương. Đó là nơi:

“Trúc biếc, hoa vàng phi ngoại cảnh,

Bạch vân, minh nguyệt lộ toàn chân”.

Thiền không mưu cầu siêu thoát khỏi cuộc đời, mà sống giữa cuộc đời mà không bị đời trói buộc. Và quê hương, nơi gắn với ruộng đồng, gió núi, tiếng mõ chùa xa, chính là không gian biểu hiện rõ nhất cho tinh thần ấy: sự tĩnh lặng giữa động, sự an nhiên giữa biến dịch.

Trong mỗi bước chân đi xa, quê hương là âm vang thâm lặng của đất trời, là nơi “mỗi chiếc lá rơi nhẹ như tiếng chuông ngân giữa lòng”. Quê hương không chỉ là điểm khởi đầu, mà còn là đích đến, nơi con người tìm thấy bản lai diện mục,

sống hài hòa với vũ trụ, hòa điệu với thiên nhiên, trở về với chính mình trong sáng suốt và từ bi.

Thơ Thiền Lý - Trần vì thế không chỉ là những bài thơ, mà là lời chuông thức tỉnh, là con đường đạo, là bức tranh quê nhà mộc mạc mà thiêng liêng, giúp ta lặng lòng, dừng lại và thấy quê hương thật sự chưa từng vắng mặt trong tâm, trong cảnh, trong từng hơi thở cuộc sống.

Tác giả: **Lê Ngọc Anh Tuấn (Thích Nguyên Giải)** - Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế

Thạc sĩ chuyên ngành Văn học Phật giáo Khóa 4.

Chú thích:

[1] Đỗ Trung Quân, Thơ “ Quê Hương”, 1986

[2] Thích Phước Đạt , *Cảm hứng sáng tác Thi ca Thiền tông Việt Nam thời Lý Trần*, tr 238-239, nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, 2024.

[3] Thích Nhất Hạnh, *Quê Hương*, Như Mây Như Nước, 1994, nhà xuất bản Tôn Giáo

[4] Viện Văn học, Thơ văn Lý – Trần, Tập 2, quyển Thượng, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988, tr. 509

[5] Viện Văn Học, Thơ văn Lý - Trần, tập 2, quyển thượng, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1988, tr.472

[6] Viện Văn Học, Thơ văn Lý Trần, Tập 1, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội, tr. 289

[7] Viện văn học, Thơ văn Lý – trần, Tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 239

[8] Dẫn theo Thích Thiện Siêu, *Lược giải kinh Pháp Hoa*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2003, tr. 389.